

biệt này có thể do sự khác nhau về cách thống kê dựa theo hội chứng và số lượng mẫu thấp trong nghiên cứu của chúng tôi.

Kết quả điều trị. Qua thống kê, kết quả điều trị Đỡ chiếm tỷ lệ cao (91,66%), tỷ lệ người bệnh có kết quả điều trị không đổi chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu do người bệnh xin xuất viện sớm. Kết quả khảo sát này cho thấy các phương pháp điều trị mang lại hiệu quả cao cho người bệnh Liệt mặt ngoại biên nguyên phát tại Bệnh viện YHCT thành phố Hồ Chí Minh.

V. KẾT LUẬN

Trên người bệnh Liệt mặt ngoại biên nguyên phát điều trị tại Bệnh viện YHCT Thành phố Hồ Chí Minh, phương pháp được sử dụng nhiều nhất là sử dụng TTP kết hợp PPKDT. Đối với PP dùng thuốc, người bệnh đa số sử dụng bài thuốc đối pháp lập phương. Trong các PPKDT có sự kết hợp khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa các hội chứng lâm sàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Đăng Đức, Phạm Thị Hạnh.** Đánh giá kết quả điều trị liệt dây VII ngoại vi bằng điện châm kết hợp với thủy châm. Tạp chí Y dược học cổ

truyền quân sự. 2018;2(8):35-40.

2. **Trịnh Minh Ngọc, Đoàn Quang Huy.** Đánh giá tác dụng điều trị liệt VII ngoại biên bằng phương pháp điện châm kết hợp bài thuốc "TK7 HV". Tạp chí y dược cổ truyền Việt Nam. 2021;4(371):37-41.
3. **Lê Hữu Thuyên.** Đánh giá kết quả điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại vi do lạnh bằng điện châm kết hợp với siêu âm. Tạp chí Y học quân sự. 2022; 359:85-88.
4. **Lê Văn Tuấn.** Giáo trình thần kinh học. Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; 2020:300.
5. **Võ Thị Xuân Uyên, Phan Quan Chí Hiếu.** Xác định vị trí tổn thương của chứng khẩu nhân oa tà. Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh. 2014;18(1):30-37.
6. **Alanazi F, Kashoo FZ, Alduhishy A, Aldaihan M, Ahmad F, Alanazi A.** Incidence rate, risk factors, and management of Bell's palsy in the Qurayyat region of Saudi Arabia. PeerJ. 2022;10:e14076.
7. **Linder TE, Abdelkafy W, Caverro-Vanek S.** The management of peripheral facial nerve palsy: "paresis" versus "paralysis" and sources of ambiguity in study designs. Otol Neurotol. 2010;31(2):319-327.
8. **Yang LS, Zhou DF, Zheng SZ, et al.** Early intervention with acupuncture improves the outcome of patients with Bell's palsy: A propensity score-matching analysis. Front Neurol. 2022;13:943453.

KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA SẢN PHỤ SAU MỔ LẤY THAI TẠI KHOA SẢN THƯỜNG A3 BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HÀ NỘI NĂM 2023

Đỗ Tuấn Đạt^{1,2}, Nguyễn Thị Thu Hà^{2,3}

lượng chuyên môn và dịch vụ tại khoa Sản thường A3
Từ khóa: Sự hài lòng, mổ lấy thai, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

SUMMARY

SURVEY OF SATISFACTION OF WOMEN HAVING CAESAREAN AT POSTPARTUM DEPARTMENT OF HANOI OBSTETRICS AND GYNECOLOGY HOSPITAL IN 2023

Objectives: Describe the satisfaction rate and related factors of women who have caesarean at Postpartum Department of Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital in 2023. **Methods:** A cross-sectional descriptive study, data from 130 women having cesarean section at Postpartum Department at Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital from January 2023 to April 2023. **Results:** The percentage of pregnant women who are satisfied with the service quality of the Postpartum Department is 69,2%. Maternal satisfaction is highest in terms of the professional competence of healthcare workers at 97,7% and lowest in facilities and means of service with 83,8%. There is a relationship between occupation and overall satisfaction of pregnant women. **Conclusion:** Most pregnant women after cesarean

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ hài lòng của sản phụ sau mổ lấy thai tại khoa Sản thường A3, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2023. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 130 sản phụ mổ lấy thai tại khoa Sản thường A3, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 4 năm 2023. **Kết quả:** Tỷ lệ hài lòng chung của sản phụ về chất lượng dịch vụ của khoa Sản thường A3 là 69,2%. Sản phụ hài lòng cao nhất về khía cạnh năng lực chuyên môn của nhân viên y tế (NVYT) đạt tỷ lệ 97,7% và thấp nhất là cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ với 83,8%. Có mối liên quan giữa nghề nghiệp và sự hài lòng chung của sản phụ. **Kết luận:** Hầu hết sản phụ sau mổ lấy thai hài lòng với chất

¹Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội

²Đại học Y Hà Nội

³Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Tuấn Đạt

Email: drdotatpshn@gmail.com

Ngày nhận bài: 6.11.2023

Ngày phản biện khoa học: 18.12.2023

Ngày duyệt bài: 11.01.2024

section are satisfied with the professional quality and service at the Postpartum Department.

Keywords: Satisfaction, cesarean section, Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo tổ chức Y tế thế giới (WHO), chất lượng chăm sóc ảnh hưởng rất lớn đến sự hài lòng của người bệnh. Ngược lại, sự hài lòng của người bệnh có thể đánh giá được hiệu quả và chất lượng chăm sóc do bệnh viện cung cấp. Sự hài lòng của người bệnh chính là thước đo chính xác đánh giá chất lượng khám chữa bệnh của dịch vụ y tế, bao gồm dịch vụ sinh nở¹. Chăm sóc thai sản là hoạt động chăm sóc sức khỏe liên quan đến quá trình mang thai, sinh nở và sau khi sinh, có vai trò rất quan trọng tại các cơ sở y tế². Có bằng chứng cho thấy rằng, mức độ hài lòng của các sản phụ với sự chăm sóc nhận được trong quá trình chuyển dạ và sinh con sẽ ảnh hưởng đến một số vấn đề trong thời kỳ hậu sản. Ví dụ, sản phụ với mức độ hài lòng cao thì tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ cao hơn, mối quan hệ mẹ con có chất lượng tốt hơn. Ngược lại, sản phụ với mức độ hài lòng thấp có thể làm tăng nguy cơ trầm cảm sau sinh, rối loạn căng thẳng sau chấn thương và cảm giác tiêu cực đối với đứa trẻ. Do đó, đánh giá sự hài lòng của sản phụ sinh con tại bệnh viện về dịch vụ chăm sóc sinh nở là rất cần thiết.

Tỷ lệ hài lòng với dịch vụ chăm sóc sau sinh tại các nước trên thế giới năm 2020, 2021 tại Thụy Điển là 53%, tại vùng Amhara, Ethiopia là 63%, tại Rwanda là 88,75%. Ở Việt Nam, tỷ lệ hài lòng chung của sản phụ sau mổ lấy thai tại khoa Phụ sản, bệnh viện Quân đội Trung ương 108 năm 2021 là 71,2%. Còn tại khoa Phụ sản bệnh viện Thủ Đức, TP HCM năm 2017, sự hài lòng chung của sản phụ sinh thường là 85,6%.

Bệnh viện Phụ sản Hà Nội có số lượng bà mẹ hàng năm đến sinh tại bệnh viện khá lớn, khoảng hơn 40.000 ca đẻ, hơn 20.000 ca phẫu thuật Sản phụ khoa. Đây cũng là cơ sở đi đầu trong áp dụng chăm sóc thiết yếu nhằm mục tiêu chăm sóc tốt nhất sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh. Hiện nay, cùng với sự gia tăng đáng kể tỷ lệ mổ lấy thai thì vấn đề chăm sóc hậu phẫu và hậu sản của bà mẹ sau mổ lấy thai là vô cùng quan trọng. Bên cạnh việc chăm sóc như một sản phụ sinh thường, cần có kế hoạch chăm sóc đặc biệt cho bà mẹ và trẻ sơ sinh sau mổ lấy thai nhằm hạn chế các biến chứng, tăng cường sức đề kháng cho trẻ sơ sinh và giúp sản phụ sớm trở về hoạt động bình thường sau sinh mổ³. Để đánh giá chất lượng độ hài lòng và các yếu tố ảnh hưởng

đến sự hài lòng của sản phụ, chúng tôi thực hiện nghiên cứu "Khảo sát sự hài lòng của sản phụ sau mổ lấy thai tại khoa Sản thường A3, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2023" với mục tiêu: *Xác định tỷ lệ hài lòng của sản phụ sau mổ lấy thai tại khoa Sản thường A3, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội 2023.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu.

Nghiên cứu được tiến hành tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 04 năm 2023.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu: Sản phụ từ độ tuổi 18-49 tuổi, sau sinh mổ lấy thai ngày thứ 02 trở đi tại khoa Sản thường A3 Bệnh viện Phụ sản.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sản phụ là nhân viên bệnh viện; Sản phụ không sinh tại bệnh viện nhưng đến điều trị tại bệnh viện.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện. Trên thực tế nghiên cứu được 130 sản phụ sau sinh (tỷ lệ không trả lời 10%).

Phương pháp thu thập số liệu: Bộ câu hỏi khảo sát sự hài lòng của sản phụ dựa trên mẫu bộ câu hỏi khảo sát ý kiến người mẹ sinh con tại bệnh viện của Bộ Y Tế⁴ và bộ khảo sát SMMS (sinh thường và sinh mổ) của Thổ Nhĩ Kỳ⁵, đã được điều chỉnh cho phù hợp với nơi thực hiện nghiên cứu. Thu thập dữ kiện bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện khi có sự đồng ý của Khoa Sản thường A3, bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Các thông tin về đối tượng được nghiên cứu được đảm bảo bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Đặc điểm dân số học của sản phụ

	Đặc tính	Tần số (n=130)	Tỉ lệ (%)
Nhóm tuổi	Dưới 20 tuổi	1	0,8
	20 – 34 tuổi	93	71,5
	35 – 49 tuổi	36	27,7
Trình độ học vấn	Tiểu học	2	1,5
	Trung học cơ sở	14	10,8
	Trung học phổ thông	32	24,6
	Trung cấp, cao đẳng, đại học	82	63,1
Nghề nghiệp	Công nhân	16	12,3
	Nội trợ	9	6,9

	Buôn bán	11	8,5
	Cán bộ công nhân viên chức	51	39,2
	Sinh viên	2	1,5
	Khác	41	31,5
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	1	0,8
	Đã kết hôn	129	99,2
	Ly hôn/ly thân	0	0
	Góa	0	0
Sử dụng BHYT	Có	124	95,4
	Không	6	4,6

Nhận xét: Phần lớn sản phụ được khảo sát có độ tuổi từ 20-34 tuổi (71,5%). Đa số các sản phụ đều có trình độ học vấn từ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên với tỷ lệ 63,1%.

Bảng 2: Đặc điểm sản khoa của sản phụ

Đặc tính		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Số lần sinh con đủ tháng	Chưa lần nào	7	5,4
	1 lần	63	48,5
	≥ 2 lần	60	46,2
Số lần sinh con thiếu tháng	Chưa lần nào	107	82,3
	1 lần	19	14,6
	≥ 2 lần	4	3,1
Số lần sảy thai hoặc nạo phá	Chưa lần nào	116	89,2
	1 lần	13	10,0
	≥ 2 lần	1	0,8
Số con hiện tại còn sống	1 con	58	44,6
	≥ 2 con	72	55,4
Mong muốn có con	Có	120	92,3
	Không	10	7,7
Cách sinh con	Mổ đẻ cấp cứu	50	38,5
	Mổ đẻ chủ động	80	61,5
Số ngày nằm viện	≤ 3 ngày	94	72,3
	> 3 ngày	36	27,7
Số lần sử dụng dịch vụ sinh con tại viện	1 lần	85	65,4
	2 lần	29	22,3
	≥ 3 lần	16	12,3

Nhận xét: Tỷ lệ sản phụ có 01 lần sinh con đủ tháng chiếm đa số (48,5%). Hầu hết các sản phụ vào mổ đẻ chủ động (61,5%) và nằm theo dõi sau mổ tại viện dưới 3 ngày (72,3%).

Bảng 3: Mức độ hài lòng của sản phụ đối với cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh

Nội dung	Hài lòng	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giường đệm cho mẹ và con an toàn, không nằm ghép	123	94,6
Được cung cấp chăn, ga, gối, váy, tã đầy đủ, sạch sẽ cho mẹ và con	126	96,9
Nhà vệ sinh, nhà tắm sạch sẽ, có	120	92,3

giấy, xà phòng, nước đầy đủ		
Buồng bệnh thông thoáng, sạch sẽ, có quạt, máy sưởi hoặc điều hòa	116	89,2
Được đảm bảo riêng tư khi thay quần áo, thăm khám, vệ sinh tại giường như có rèm che, vách ngăn di động	112	86,1
Có các dịch vụ tiện ích khác cho bà mẹ và em bé như gội đầu tại chỗ, tắm gội mát xa đạt chất lượng tốt	124	95,4
Hài lòng chung	109	83,8

Nhận xét: Nhìn chung, đa số sản phụ hài lòng với cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh của khoa phòng, với tỉ lệ là 83,8%.

Bảng 4: Mức độ hài lòng của sản phụ đối với từng yếu tố liên quan đến thái độ và ứng xử của NVYT

Nội dung	Hài lòng	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Bác sĩ có lời nói, giao tiếp đúng mực	129	99,2
Điều dưỡng, hộ sinh có lời nói, giao tiếp đúng mực	124	95,4
Nhân viên phục vụ (hộ lí, bảo vệ, nhân viên vệ sinh,...) có lời nói, thái độ giao tiếp đúng mực	126	97
Nhân viên y tế không gợi ý bồi dưỡng	127	97,7
Hài lòng chung	122	93,8

Nhận xét: Tỷ lệ hài lòng chung của sản phụ về thái độ và cách ứng xử của nhân viên y tế đạt 93,8%.

Bảng 5: Mức độ hài lòng của sản phụ đối với từng yếu tố liên quan đến năng lực chuyên môn của NVYT

Nội dung	Hài lòng	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Bác sĩ có trình độ chuyên môn, kĩ năng thăm khám tốt	128	98,5
Điều dưỡng, hộ sinh có trình độ chuyên môn tốt, chăm sóc chu đáo	128	98,5
Bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh phối hợp tốt và xử lý công việc thành thạo, kịp thời	127	97,7
Hài lòng chung	127	97,7

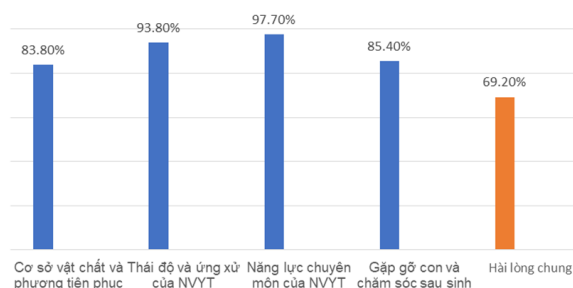
Nhận xét: Hầu hết các sản phụ đều hài lòng về năng lực chuyên môn của bác sĩ (98,5%), và điều dưỡng, hộ sinh (98,5%). Tỷ lệ hài lòng chung của các sản phụ đạt 97,7%

Bảng 6: Mức độ hài lòng của sản phụ về gặp gỡ con và chăm sóc sau sinh

Nội dung	Hài lòng	
	Tần số	Tỷ lệ

	(n)	(%)
Sản phụ được gắn con sớm	122	93,8
Sản phụ được cho con bú sớm	114	87,7
Sản phụ được chăm sóc để giảm nỗi đau, sự khó chịu sau sinh	125	96,2
Hài lòng chung	111	85,4

Nhận xét: Tỷ lệ hài lòng chung của sản phụ về gặp gỡ bé và chăm sóc sau sinh cao với 85,4%. Ở khía cạnh được gắn con sớm là 93,8%, được cho con bú sớm 87,7% và được chăm sóc để giảm nỗi đau, sự khó chịu sau khi sinh là cao nhất với 96,2%.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ hài lòng chung của sản phụ

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm dân số học của sản phụ.

Trong 130 sản phụ tham gia nghiên cứu, tuổi trung bình của sản phụ là $29,3 \pm 4,5$ tuổi, chủ yếu tập trung ở nhóm tuổi từ 20-34 tuổi (71,5%), tương tự với nghiên cứu của Sintayehu Bezabih Bekele (2021) tại các cơ sở y tế công cộng ở Debre Markos, Tây Bắc Ethiopia với 77,2% sản phụ có độ tuổi từ 20-34 tuổi.

Theo bảng 1, hầu hết các sản phụ trong nghiên cứu là người đã kết hôn (99,2%), với nghề nghiệp chủ yếu là cán bộ công nhân viên chức (39,2%). Kết quả này có sự khác biệt so với nghiên cứu của Phạm Thị Kim Chi tại bệnh viện quận Thủ Đức, có tới 59% sản phụ làm nghề công nhân. Sự khác biệt này là do Bệnh viện Phụ sản Hà Nội nằm ở trung tâm của Thủ đô Hà Nội, chủ yếu là các công ty, doanh nghiệp, không có các khu công nghiệp nên đa số các sản phụ làm các công việc văn phòng⁶.

Đối tượng tham gia nghiên cứu chủ yếu làm công nhân viên chức nhà nước nên trình độ học vấn cũng khá cao, có 61,3% sản phụ có trình độ học vấn từ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên. Kết quả này cũng tương tự với kết quả tại Bệnh viện Vinmec (2019) với 58% sản phụ có trình độ đại học và sau đại học⁷.

4.2. Đánh giá sự hài lòng của các sản phụ đến sinh về các khía cạnh. Bảng 3 cho thấy sự hài lòng của sản phụ với cơ sở vật chất

đạt tỷ lệ thấp nhất trong các yếu tố đánh giá sự hài lòng (83,8%). Tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của Vũ Thị Xuân Hoan (2019) tại khoa Sản Bệnh viện Vinmec (89,8%). Trong đó, nhân tố "Được đảm bảo riêng tư khi thay quần áo, thăm khám, vệ sinh tại giường như có rèm che, vách ngăn di động" có tỷ lệ hài lòng thấp nhất là 86,1%. Khi bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh thực hiện các thủ thuật và thăm khám cho người bệnh thì chưa có bình phong hay vách ngăn chia phòng riêng để đảm bảo sự kín đáo cho sản phụ.

Tỷ lệ hài lòng của sản phụ đối với lời nói, thái độ giao tiếp đúng mực của bác sĩ gần như là tuyệt đối với 99,2%. Kết quả này cho thấy bệnh viện cũng đã thực hiện và cải thiện rất nhiều về giao tiếp ứng xử với người bệnh. Trình độ chuyên môn của nhân viên y tế là yếu tố rất quan trọng tạo nên thành công của chất lượng dịch vụ y tế, và tạo nên sự yên tâm cho người bệnh trong quá trình khám, chữa bệnh. Trong nghiên cứu này, trình độ chuyên môn của NVYT chiếm tỷ lệ hài lòng chung cao nhất trong các khía cạnh đánh giá hài lòng của sản phụ (97,7%).

Việc tiếp xúc da kề da và cho con bú sớm trong vòng một giờ đầu sau sinh rất tốt cho trẻ mới sinh và tạo sự gắn kết giữa mẹ và bé nên vấn đề này rất được các sản phụ quan tâm. Sản phụ hài lòng cao trên 85,8% về khía cạnh này. Có tới 87,7% sản phụ hài lòng về thời gian được cho con bú sớm cao hơn nghiên cứu tại bệnh viện Bheri Zol ở Nepal (2018) với 54,5% sản phụ hài lòng⁸ và 93,8% sản phụ hài lòng về thời gian được gắn con sớm. Vấn đề được chăm sóc để giảm bớt nỗi đau và sự khó chịu sau sinh có tỷ lệ hài lòng cao nhất với 96,2%.

V. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 130 sản phụ, có 69,2% sản phụ hài lòng chung về chất lượng dịch vụ tại khoa sản thường A3 và tỷ lệ hài lòng theo từng khía cạnh là

- Tỷ lệ 83,8% sản phụ hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ
- Tỷ lệ 93,8% sản phụ hài lòng về thái độ và ứng xử của NVYT
- Tỷ lệ 97,7% sản phụ hài lòng về năng lực chuyên môn của NVYT
- Tỷ lệ 85,4% sản phụ hài lòng về gặp gỡ con và chăm sóc sau sinh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thành Luân, Vũ Duy Anh, Lê Hồng Phước, Nguyễn Hoàng Bắc, Vũ Trí Thanh. Thời gian chờ đợi và sự hài lòng của người bệnh khám chữa bệnh ngoại trú tại một bệnh viện

- trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2017. Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh. 2017; (22):
- Hasan A, Chompikul J, Bhuiyan S.** Patients Satisfaction with Maternal and Child Health Services Among Mothers Attending the Maternal and Child Health Training Institute in Dhaka, Bangladesh. Mahidol University Bangladesh; 2007.
 - Huỳnh Thị Mỹ Dung.** Khảo sát tình hình chăm sóc bà mẹ sau mổ lấy thai tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, năm 2017. 2017.
 - Bộ Y Tế.** Phiếu khảo sát ý kiến người mẹ sinh con tại bệnh viện. 2019.
 - Jha P, Larsson M, Christensson K, Skoog Svanberg A.** Satisfaction with childbirth services provided in public health facilities: results from a cross-sectional survey among postnatal women in Chhattisgarh, India. J Global health action.
 - Phạm Thị Kim Chi.** Khảo sát sự hài lòng của sản phụ tại khoa Sản Bệnh viện quận Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh. 2019.
 - Vũ Thị Xuân Hoan.** Sự hài lòng của sản phụ đến khám và sinh con tại khoa Sản Bệnh viện VINMEC năm 2020 và một số yếu tố liên quan. TLU; 2020.
 - Panth A, Kafle PJO, international.** Maternal satisfaction on delivery service among postnatal mothers in a government hospital, Mid-Western Nepal. 2018; 2018.

KẾT QUẢ HÓA TRỊ BƯỚC 1 UNG THƯ ĐẠI TRỰC TRÀNG GIAI ĐOẠN MUỘN BẰNG PHÁC ĐỒ BEVACIZUMAB - XELOX Ở BỆNH NHÂN TRÊN 60 TUỔI

Nguyễn Thị Kim Anh¹, Đỗ Anh Tú¹,
Trần Thắng¹, Hoàng Thị Cúc¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kết quả điều trị hóa chất bước một phác đồ Bevacizumab-Xelox trên bệnh nhân ung thư đại trực tràng giai đoạn muộn trên 60 tuổi tại Bệnh viện K. **Bệnh nhân và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả, hồi cứu kết hợp tiến cứu. Từ 1/2020 đến tháng 10/2023 có 65 bệnh nhân ung thư đại trực tràng giai đoạn muộn trên 60 tuổi được điều trị hóa chất bước một phác đồ Bevacizumab-Xelox tại Bệnh viện K; bệnh nhân được đánh giá mức độ đáp ứng theo "Tiêu chuẩn Đánh giá Đáp ứng cho U đặc" (RECIST) và thời gian sống thêm bệnh không tiến triển. **Kết quả:** Một số đặc điểm chung của nhóm bệnh nhân: Tuổi trung bình mắc bệnh là 67,1 tuổi. Tỷ lệ nam/nữ là 1,83. Ung thư trực tràng là hay gặp nhất chiếm 46,2%. Bệnh phát hiện lần đầu chủ yếu 75,4%. Mô bệnh học ung thư biểu mô tuyến biệt hoá vừa chiếm 86,2%. Kết quả điều trị: Tỷ lệ đáp ứng là 56,9%, không có bệnh nhân nào đạt đáp ứng hoàn toàn, đáp ứng một phần 56,9%, tỷ lệ kiểm soát bệnh đạt 80%. Thời gian sống thêm bệnh không tiến triển trung vị 9,5 tháng. **Kết luận:** Phác đồ Bevacizumab-Xelox là phác đồ có hiệu quả và giúp kéo dài thời gian sống thêm trong điều trị cho bệnh nhân ung thư đại trực tràng giai đoạn muộn trên 60 tuổi. **Từ khóa:** ung thư đại trực tràng giai đoạn muộn, bệnh nhân cao tuổi, điều trị hóa chất, Bevacizumab - Xelox.

SUMMARY

OUTCOME OF BEVACIZUMAB PLUS XELOX

¹Bệnh viện K

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Anh Tú

Email: doanhtu.bvk@gmail.com

Ngày nhận bài: 6.11.2023

Ngày phản biện khoa học: 18.12.2023

Ngày duyệt bài: 11.01.2024

AS FIRST-LINE CHEMOTHERAPY FOR OVER 60 YEARS OLD PATIENTS WITH METASTATIC COLORECTAL CANCER

Objectives: to evaluate outcome of bevacizumab plus xelox as first-line chemotherapy for over 60 years old patients with metastatic colorectal cancer. **Patients and Method:** Descriptive, retrospective and prospective study. From January 2020 to October 2023, we enrolled 65 patients over 60 years old with metastatic colorectal cancer at K Hospital. All patients were used first-line chemotherapy with bevacizumab plus xelox regimens. Tumor response and progression free survival were determined. **Results:** Clinical features: The median of age was 67,1. The male/female ratio was 1,83. Rectal tumor is the most common site (46,2%). Moderately differentiated adenocarcinoma was the most common type with 86,2%. The time of first detection of the disease accounted for 62,5%. Results of treatment: The response rate was 56,9%, none of patient had complete response, partial response 56,9%, disease control rate was 80%; Median DFS time was 9,5 months. **Conclusion:** Bevacizumab plus xelox chemotherapy regimens is effective treatment and prolong survival for over 60 years old patients with metastatic colorectal cancer. **Keywords:** metastatic colorectal cancer, elderly patients, bevacizumab plus xelox regimens, chemotherapy regimens.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư đại trực tràng (UTĐTT) là bệnh ung thư phổ biến trên thế giới đứng hàng thứ ba về tỷ lệ mắc mới và là nguyên nhân gây tử vong do ung thư đứng hàng thứ 2 chỉ sau ung thư phổi¹. Thời gian sống thêm trung bình của bệnh nhân ung thư đại trực tràng di căn được điều trị bằng chăm sóc giảm nhẹ là khoảng 6 tháng. Kết quả